

KIỂM NGHIỆM VÙNG CẢN MA20 NGÀY

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	Các hoạt động mua trading T+, nhà đầu tư nên hạn chế mua ở các mức giá cao trong phiên mà nên chờ các nhịp điều chỉnh rung lắc của thị trường để mở vị thế.
BÁN	Đối với các nhà đầu tư cần thực hiện cơ cấu danh mục hoặc bán chốt lời các vị thế mua bắt đáy có thể sử dụng các lệnh trailing stop hoặc bán từng phần trong các nhịp phục hồi với vùng cản quan trọng 1.230-1.237 điểm.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

HCM

MUA

↑ 11,43%

VND27.300

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Phố Wall tiếp tục tăng điểm vào thứ Năm, khi nhà đầu tư giảm căng thẳng về thương mại toàn cầu.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** VN-Index có thể sẽ tiếp tục thử thách vùng kháng cự MA20 ngày tương ứng vùng 1.229-1.233 điểm trong phiên cuối tuần. Thông tin KQKD quý 1 sẽ vẫn là yếu tố hỗ trợ cho đà hồi phục của thị trường trong tuần này. Dù vậy, chúng tôi lo ngại rằng áp lực cung sẽ tăng lên đáng kể khi các quỹ ETF cơ cấu định kỳ và có thể khiến thị trường đảo chiều giảm điểm trở lại khi tiếp cận vùng kháng cự trên. Vùng hỗ trợ quan trọng của VN-Index nằm tại 1.200-1.205. NĐT có tỷ trọng cổ phiếu cao nên tận dụng các nhịp tăng điểm của thị trường để bán giảm tỷ trọng các vị thế ngắn hạn trong danh mục.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	40.093,40	1,23	-5,76
S&P 500	5.484,77	2,03	-6,75
Nasdaq	17.166,04	2,74	-11,11
VIX	26,47	-6,96	52,56
DAX	22.064,51	0,47	10,83
FTSE 100	8.407,44	0,05	2,87
CAC40	7.502,78	0,27	1,65
Hang Seng	22.056,77	0,67	9,95

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	NEUTRAL	SELL	SELL

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	46,26	SELL
MACD (12,26)	-21,86	SELL
ADX (14)	33,25	SELL
SMA5	1.211,53	BUY
SMA20	1.229,81	SELL
SMA50	1.278,83	SELL
SMA100	1.268,20	SELL
SMA200	1.263,71	SELL

ĐIỂM TIN CHÍNH

- **Thị trường Mỹ** tiếp tục tăng điểm vào ngày thứ Năm (24/04), nhờ vào đà tăng mạnh của các cổ phiếu công nghệ vốn hoá lớn, khi nhà đầu tư tiếp tục tìm kiếm dấu hiệu tiến triển về thương mại toàn cầu.
- **Nợ công đến cuối 2024** ước thực hiện 34,7% GDP, tương đương trên 4,26 triệu tỷ đồng. Với quy mô nền kinh tế năm ngoài khoảng 476,3 tỷ USD, nợ công tương đương gần 165,3 tỷ USD, tức trên 4,26 triệu tỷ đồng. Mức này tăng khoảng 490.000 tỷ đồng so với 2023. Ngoài ra, nợ Chính phủ ước thực hiện 32,2% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia thực hiện 31,8%.
- **Được sự thống nhất**, chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc đưa vào vận hành Hệ thống công nghệ thông tin mới cho thị trường chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) thông báo chính thức đưa vào vận hành hệ thống công nghệ thông tin mới kể từ ngày 5/5/2025.
- **VIC:** HĐQT trình cổ đông thông qua kế hoạch năm 2025 với mục tiêu doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh khoảng 300.000 tỷ đồng, tăng 56% so với thực hiện năm 2024. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp mục tiêu đạt 10.000 tỷ đồng, tăng 90%.
- **BSR:** Công ty ước tính sản lượng sản xuất trong quý 1/2025 đạt hơn 1,8 triệu tấn sản phẩm và doanh thu đạt hơn 32.200 tỷ đồng, lần lượt vượt kế hoạch 12% về sản lượng và 14% về doanh thu. Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch được giao, song không có con số báo cáo cụ thể.
- **MSN:** Masan ghi nhận 18.897 tỷ đồng doanh thu thuần quý 1/2025, tăng 0,2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, nếu loại trừ đóng góp doanh thu từ HCS trong quý 1/2024, doanh thu của Masan tăng 11,1% trên cơ sở so sánh tương đương (LFL). LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số, lợi nhuận ròng) đạt 394 tỷ đồng, tăng mạnh 278,8% so với cùng kỳ
- **TPB:** Năm 2025, đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 9.000 tỷ đồng, tăng hơn 18% so với kết quả năm 2024. TPBank dự kiến đến cuối năm, tổng tài sản tăng trưởng gần 8% lên 450.000 tỷ đồng. Huy động tăng hơn 12% lên 420.000 tỷ đồng; dư nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế tăng 20% lên 313.750 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2,5%.
- **VTP:** Năm 2025, Viettel Post trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 với mục tiêu tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất là 21.028 tỷ đồng, tương đương với mức thực hiện của năm 2024 song doanh thu dịch vụ lõi được đặt mục tiêu tăng trưởng 20 - 25%, lợi nhuận sau thuế kỳ vọng tăng trưởng 5,6%, đạt 405 tỷ đồng.

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	3.349,94	0,02	27,64
Dầu WTI	62,89	0,16	-12,31
Dầu Brent	66,67	0,18	-10,68
Than	93,80	0,11	-25,11
Đồng	9.392,50	0,11	7,12
Quặng sắt	99,88	0,44	-4,72
Thép	458,50	-0,43	-3,63

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	99,557	0,18	-8,23
USD/JPY	143	-0,26	9,93
USD/CNY	7,2937	-0,07	0,08
EUR/USD	1,135	-0,35	9,62
GBP/USD	1,3306	-0,27	6,31

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	4,50%	07/05/2025	0,00
ECB	2,65%	27/04/2025	-0,25
BOE	4,50%	08/05/2025	0,00
BOJ	0,50%	01/05/2025	0,00
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
HPG	438,78	25.600	0,20
FPT	866,64	112.000	1,45
MWG	455,41	59.700	1,53
TCB	230,50	25.750	-1,34
STB	553,35	40.200	0,00

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	486.300,29	58.200	0,34
BID	248.907,28	35.450	0,28
CTG	200.837,69	37.400	0,27
FPT	164.759,75	112.000	1,45
TCB	181.919,93	25.750	-1,34

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

HCM

Khuyến nghị	MUA
Giá hiện tại	24.800
Giá mục tiêu	27.300
Tiềm năng tăng giá	11,43%
Vùng giải ngân	23.500-24.500
Ngưỡng cắt lỗ	<23.200

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- HSC đặt mục tiêu tổng doanh thu năm 2025 đạt 4.438 tỷ đồng, tăng 34% so với kết quả thực hiện của năm 2024. Mặc dù dự kiến chi phí hoạt động sẽ tăng mạnh 41% do đẩy mạnh chiến lược mở rộng thị phần và đầu tư vào công nghệ, Công ty vẫn kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận. Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 1.602 tỷ đồng (tăng 24% so với năm trước) và lợi nhuận sau thuế ước tính 1.282 tỷ đồng (tăng 23%).
- Với kế hoạch tăng vốn sắp tới (tổng cộng tăng 4.000 tỷ đồng), HSC kỳ vọng có thể tăng dư nợ cho vay lên 28.000 tỷ đồng.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- HCM đang dần hình thành vùng cân bằng sau nhịp điều chỉnh mạnh hơn 30% kể từ đỉnh cuối tháng 3. Nhà đầu tư có thể quan sát và canh giải ngân thăm dò cổ phiếu HCM nếu có những phiên tích lũy trên các ngưỡng hỗ trợ với vùng mua 23.500-24.500 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2023	FY2024	Q42024
DTT (tỷ đ)	2.903	4.276	1.182
LNTT (tỷ đ)	842	1.296	285
LNST (tỷ đ)	674	1.040	227
Nợ/VCSH (%)	110	196	196
ROE (%)	8,07	11,09	11,09
ROA (%)	4,04	4,22	4,22
EPS (VNĐ)	993,85	1.444,02	1391,30
P/E (lần)	23,90	20,36	17,82
P/B (lần)	1,88	2,03	1,71

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	SELL	SELL	SELL

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	34,23	SELL
MACD (12,26)	-1,51	SELL
ADX (14)	39,95	SELL
SMA5	24.940	SELL
SMA20	27.070	SELL
SMA50	29.590	SELL
SMA100	28.970	SELL
SMA200	28.320	SELL

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	STB	Chốt lời	33,7-34,7	4/4/2025	34,1	38,4	33	15/4/2025	38,6	13,20%
2	SSI	Nắm giữ	21,5-22,5	22/4/2025	21,5	25,3	21,3			6,98%
3	MBB	Nắm giữ	21,8-22,3	22/4/2025	21,8	24,5	20,7			6,65%
4	HPG	Nắm giữ	23-24	22/4/2025	23,4	26,5	22,8			9,40%
5	VCG	Nắm giữ	21-21,8	22/4/2025	21	24,5	20,7			2,38%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	SZC	Cắt lỗ	41-42	19/12/2024	42	45,8	40	10/1/2025	41	-2,38%
2	HHV	Chốt lời	10,8-11,4	10/1/2024	11,4	12,8	10,5	17/1/2025	12,8	12,28%
3	VCG	Chốt lời	17,7-18,1	14/01/2025	18,1	19,8	17,2	3/2/2025	20	10,50%
4	HPG	Cắt lỗ	26-26,8	5/2/2025	26,8	28,9	25,5	10/2/2025	25,50	-4,8%
5	VCI	Chốt lời	33,6-34,6	4/2/2025	34,35	37,45	32	3/3/2025	37,45	9,02%
6	SSI	Chốt lời	24,5-25	24/2/2025	25,3	27,4	23,8	13/3/2025	27,4	8,30%
7	POW	Cơ cấu	11,4-11,8	12/2/2025	11,8	13,2	11,2	14/3/2025	12	1,69%
8	VHC	Cơ cấu	67,5-69,5	18/2/2025	69,5	76	65,6	14/3/2025	67,9	-2,3%
9	PC1	Cơ cấu	23,5-23,9	26/2/2025	23,9	26,3	22,7	14/3/2025	23,1	-3,35%
10	KSB	Cơ cấu	19,6-20	6/3/2025	19,9	22,1	19	14/3/2025	19,85	-0,21%
11	DXG	Cơ cấu	15,7-16,2	11/3/2025	16,2	17,8	15,2	14/3/2025	16,1	-0,61%
12	BID	Cắt lỗ	38,6-39,3	6/2/2025	39,6	45	37,3	3/4/2025	37,3	-5,81%
13	KBC	Cắt lỗ	28,5-29,5	18/2/2025	29,2	33	27,6	3/4/2025	27,6	-5,4%
14	VPB	Cắt lỗ	18,7-19	21/02/2025	19	21,2	18	3/4/2025	18	-5,26%
15	STB	Chốt lời	33,7-34,7	4/4/2025	34,1	38,4	33	16/4/2025	38,6	13,20%

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS



Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

2

3

TƯ VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Khuyến nghị 30/1/2024

MH CP	NVL	Tỷ lệ
Mua	16-16.5	
Cắt lỗ	Dưới 14	~(-12%)
Chốt lời 1:(50%)	18-19	~13%-18%
Chốt lời 2:(50%)	21-22	~18-37%
MH CP	MSN	Tỷ lệ
Mua	65-66	
Cắt lỗ	Có thể DCA ở 61-62	
Cắt lỗ	Dưới 59	~(-5%)
Chốt lời 1:(50%)	72-75	~13%-14%
Chốt lời 2:(50%)	Năm giờ	
MH CP	GEX	Tỷ lệ
Mua	21-21.5	
Cắt lỗ	19.8	~(-4%)
Chốt lời 1:(50%)	23-24	~7%-12%
Chốt lời 2:(50%)	25.5-26	~13%-24%

bởi Thanh Bình

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

MG chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	190,000
Giá vốn trung bình	43.34
Gốc đầu tư	99,800 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/lỗ (dự kiến)	+479,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- BMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4,439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

🎉 Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room